| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ MỸ THO**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: **19**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2025
*V/v tranh chấp " Ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
*******
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Cao Thị Trúc Linh.**

*- Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Đào**

2. Bà **Lê Thị Bé Bảy.**

***- Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Văn Trạng** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa***: Bà **Nguyễn Trọng Lễ** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 634/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HN ngày 15 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 ngày 02 năm 2025 giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn:* Chị Từ Thị Anh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp A, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*2. Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Thắng A , sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

( Chị T có mặt, anh T1 Anh vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn ly hôn, và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Từ Thị Anh T trình bày: chị và anh Nguyễn Văn T1 Anh cưới nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 06/3/2006. Thời gian chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không phù hợp. Nhận thấy hiện tại chị đã không còn tình cảm với anh T1 Anh nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung, chị và anh T1 Anh có 01 con chung tên Nguyễn Từ N sinh ngày 19/4/2006. Ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T1 Anh cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Thắng A đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn

bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án và không nộp bất kỳ văn bản ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa*, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Thắng A, con chung đã thành niên nên không yêu cầu xem xét, bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng còn bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung theo lập luận nêu tại bài phát biểu. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Con chung Nguyễn Từ N đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung chị T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1].Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Từ Thị Anh T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1 Anh có địa chỉ tại thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định là tranh chấp ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

[2 ]. Sự có mặt của các đương sự: Bị đơn không có đơn xin xét xử vắng mặt, và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3 ]. Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh T1 Anh cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P và ngày 06/3/2006 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới chị T và anh T1 Anh chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2006 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T khẳng định không thể hàn gắn với anh T1 Anh vì chị không còn tình cảm, chị đã cho anh T1 Anh nhiều thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm vẫn không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

[3.2]. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân của chị T và anh T1 Anh là không thể hàn gắn, vì không có sự vun đắp, xây dựng gia đình từ hai phía, thời gian sống ly thân dài, nhưng cả hai vẫn không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hợp lệ xem như từ bỏ các quyền của mình theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn chị T, cho chị T được ly hôn với anh Thắng A.

[3.3]. Về con chung: chị T và anh T1 Anh có 01 con chung tên Nguyễn Từ N sinh

ngày 19/4/2006 hiện đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4]. Về tài sản chung và nợ chung: chị T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[4]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Xử*:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Từ Thị Ạnh T2.

- Về hôn nhân: chị Từ Thị Anh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Thắng A.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Từ N sinh ngày 19/4/2006 , đã thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Chị Từ Thị Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006050 ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên chị đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T1 Anh vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
-VKSND TPMT;
- UBND xã Phước Thạnh, TP Mỹ Tho, Tiền Giang;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

**Cao Thị Trúc Linh**